

**QUYẾT ĐỊNH**  
**CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN**  
**VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 47/2024/TLST - HNGĐ ngày 17 tháng 4 năm 2024 giữa:

Nguyên đơn: Chị Lê K, sinh năm 1991

Địa chỉ: Thôn N, xã N, thị xã M, tỉnh Hưng Yên

Bị đơn: Anh Phạm Văn N, sinh năm 1989

Địa chỉ: Thôn N, xã N, thị xã M, tỉnh Hưng Yên

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

- Cháu Phạm Thị Trà M, sinh ngày 31/01/2014

- Cháu Phạm Bảo Ngọc, sinh ngày 22/01/2021

Người đại diện theo pháp luật của cháu Trà M, cháu Bảo Ngọc:

+ Chị Lê K, sinh năm 1991

+ Anh Phạm Văn N, sinh năm 1989

Đều có địa chỉ: Thôn N, xã N, thị xã M, tỉnh Hưng Yên

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213; khoản 3 và khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 136 Bộ luật dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55; Điều 57; Điều 73; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 22 tháng 4 năm 2024.

**XÉT THẤY:**

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 22 tháng 4 năm 2024 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

**QUYẾT ĐỊNH:**

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa:  
- Chị Lê K và anh Phạm Văn N.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê K và anh Phạm Văn N thuận tình ly hôn.

Về con chung: Chị K và anh N xác định vợ chồng có 02 con chung là cháu Phạm Thị Trà M, sinh ngày 31/01/2014 và cháu Phạm Bảo Ngọc, sinh ngày 22/01/2021. Anh chị thỏa thuận thống N giao anh N chăm sóc, nuôi dưỡng cháu M đến khi cháu M thành niên (đủ 18 tuổi); giao chị K chăm sóc nuôi dưỡng cháu N đến khi cháu N thành niên (đủ 18 tuổi).

Về việc cấp dưỡng nuôi con chung: Anh N, chị K thỏa thuận thống N anh chị không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

Vì lợi ích của con chung, chị K, anh N có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con chung và việc cấp dưỡng nuôi con chung sau ly hôn.

Chị K, anh N có quyền thăm và chăm sóc con chung; không ai được cản trở anh chị thực hiện quyền này.

Về tài sản, vay nợ, công sức và ruộng nông nghiệp: Chị K và anh N đều thống N tự nguyện không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Chị Lê K tự nguyện chịu 150.000 đồng (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*) án phí sơ thẩm ly hôn. Được đối trừ vào số tiền 300.000 đồng chị K đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí số 0001680 ngày 17/4/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã M, tỉnh Hưng Yên, trả lại chị K số tiền là 150.000 đồng (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

**Nơi nhận:**

- Đương sự;
- VKSND thị xã M;
- Chi cục T.H.A DS thị xã M;
- Phòng KTNV và THA-TAND tỉnh Hưng Yên;
- UBND xã N;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**THẨM PHÁN**

**Nguyễn Thị Oanh**